

Số: *2217* /SXD-QLXD

*Hà Nam, ngày 30 tháng 11 năm 2018*

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam năm 2018**

Kính gửi:

- Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh (*Văn phòng thông báo tại Văn bản số 1795/VPUB-GTXD ngày 23 tháng 11 năm 2018*) về việc báo cáo tình hình hoạt động xây dựng năm 2018.

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính Phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

Sở Xây dựng Hà Nam báo cáo về tình hình hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh năm 2018 với những nội dung sau:

#### **1. Về cấp giấy phép xây dựng**

a) Tổng số công trình đã cấp: 1.051 công trình  
Với tổng diện tích: 638.054,4m<sup>2</sup>

Trong đó:

- Theo loại công trình:  
+ Cấp cho công trình: 84 công trình  
+ Cấp cho nhà ở riêng lẻ ở đô thị: 897 công trình  
+ Giấy phép xây dựng nhà ở nông thôn: 70 công trình  
- Theo phân cấp :  
+ Sở Xây dựng: 40 công trình  
+ Huyện, thành phố: 1.011 công trình

#### **b) Xử lý vi phạm**

- Xây dựng sai giấy phép: 18 trường hợp  
- Xây dựng không có giấy phép: 36 trường hợp  
- Vi phạm quy hoạch: 01 trường hợp  
- Xây dựng trên đất không được phép: 09 trường hợp  
- Vi phạm khác: 28 trường hợp

Trong đó:

- Cường chế phá dỡ: 03 trường hợp
- Phạt hành chính: 04 trường hợp

c) Thời gian thực hiện cấp giấy phép: Trung bình 04÷05 (ngày)

d) Nhận xét đánh giá tình hình ban hành các văn bản về cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo Luật Xây dựng

- Các văn bản về cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng đã Chính phủ, Bộ Xây dựng ban hành kịp thời và hướng dẫn cụ thể tạo thuận lợi cho công tác triển khai, tổ chức thực hiện. Đối với tỉnh Hà Nam, việc quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý quy hoạch xây dựng, cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng được thực hiện theo Quyết định của UBND tỉnh số: 18/2016/QĐ-UBND ngày 27/6/2016, và số 29/2018/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 (có hiệu lực từ ngày 15/9/2018, và thay thế Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 27/6/2016).

- Việc cấp giấy phép xây dựng cho nhà ở nông thôn, nhà ở trên các tuyến đường tỉnh lộ, huyện lộ vẫn hạn chế, chậm vì người dân còn chưa có ý thức trong việc xin cấp giấy phép xây dựng. Công tác quản lý quy hoạch ở các xã, thị trấn còn chưa cao, nhiều xã, thị trấn còn buông lỏng trong việc quản lý quy hoạch và cấp phép xây dựng.

- Công tác phối hợp giữa các lực lượng chức năng địa phương với các Sở, ngành liên quan còn chưa được chủ động, chặt chẽ.

## **2. Về cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, cấp chứng chỉ năng lực của tổ chức tham gia hoạt động xây dựng**

a) Về chứng chỉ hành nghề của cá nhân tham gia hoạt động xây dựng

Tổng số chứng chỉ được cấp: **281 chứng chỉ.**

Trong đó:

- Chứng chỉ giám sát: 150 chứng chỉ
- Chứng chỉ thiết kế: 60 chứng chỉ
- Chứng chỉ khảo sát: 15 chứng chỉ
- Chứng chỉ quản lý dự án: 40 chứng chỉ
- Chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng: 16 chứng chỉ

b) Về điều kiện năng lực của tổ chức tham gia hoạt động xây dựng

Tổng số chứng chỉ đã cấp: **30 đơn vị.** Trong đó:

- Đơn vị tư vấn: 16 đơn vị
- Đơn vị thi công: 14 đơn vị

c) Nhận xét, đánh giá tình hình triển khai công tác cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định

Công tác cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam năm 2018 được triển khai kịp thời và đúng quy định theo Thông tư của Bộ Xây dựng: Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 về hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng và Thông tư số 24/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 9 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Hiện nay Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đã có hiệu lực từ ngày 20 tháng 11 năm 2018. Sở Xây dựng sẽ hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp chứng chỉ cho những đợt sau theo đúng quy định hiện hành.

Hiện tại, máy móc, trang thiết bị phục vụ công tác sát hạch được bố trí tại Chi cục Giám định - Sở Xây dựng.

### **3. Về cấp giấy phép hoạt động cho nhà thầu nước ngoài**

a) Tổng số: **04 giấy phép** (03 giấy phép cấp mới, 01 giấy phép điều chỉnh).

Trong đó:

- Giấy phép thầu thi công: 04 giấy phép.
- Giấy phép thầu tư vấn: 0 giấy phép.

b) Thời gian thực hiện cấp giấy phép: Trung bình 04÷05 (ngày)

**4. Tổng hợp số liệu về công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình đã thực hiện: (Có Bảng Phụ lục chi tiết kèm theo).**

Trên đây là báo cáo về tình hình hoạt động xây dựng năm 2018 trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Sở Xây dựng Hà Nam trân trọng báo cáo./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, QLXD;
- CV (M)- 2018/944.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quang Huy

**Theo Phụ lục 02 của Bộ XD**  
**(Kèm theo Văn bản số 20.17./SXĐ-QLXD ngày 30/11/2018 của Sở Xây dựng)**

Loại nguồn vốn: Ngân sách nhà nước

Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	Dự án		Thiết kế cơ sở		Thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng (gồm Báo cáo kinh tế - kỹ thuật)									
	Tổng số dự án thẩm định	Số dự án phải sửa đổi	Tổng số TKCS thẩm định	Số TKCS phải sửa đổi	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)			Số BCKT-KT đã thẩm định	Số phải sửa đổi					
					Trình thẩm định	Sau thẩm định	Tăng/giảm (+/-)			Tỷ lệ %	Tổng số TKCS đã thẩm định	Tổng số BCKT-KT đã thẩm định	Trước thẩm định	Sau thẩm định
Sở Xây dựng	4		3		112.960,0	108.220,0	-4.740,0	4,20	46	19	563.754,5	534.743,3	-29.011,2	5,15
Sở Giao thông vận tải	4				62.876,0	62.509,0	-367,0	0,58	5	1	190.907,0	170.251,0	-20.656,0	10,82
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2,0		0		99.059,0	90.890,0	-8.169,0	8,25	43	39	147.029,0	143.861,0	-3.168,0	2,15
Sở Công thương	0		21,0						8	8	10.594,1	9.902,3	-691,8	6,53
UBND TP Phú Lý	0		0						91	91	188.654,8	169.646,6	-19.008,2	10,08
UBND huyện Kim Bảng	0		0						22	22	142.481,7	140.095,9	-2.385,8	1,67
UBND huyện Thanh Liêm	0		0						9	9	42.254,3	41.776,4	-477,9	1,13
UBND huyện Lý Nhân	0		0						33	33	188.873,1	183.660,2	-5.212,9	2,76
UBND huyện Bình Lục	0		0						50	50	225.020,0	215.737,0	-9.283,0	4,13
UBND huyện Duy Tiên	0		0						0	58	269.852,7	266.103,4	-3.749,3	1,39
<b>Tổng cộng, TB</b>	<b>10,0</b>	<b>-</b>	<b>24,0</b>	<b>-</b>	<b>274.895,0</b>	<b>261.619,0</b>	<b>-13.276,0</b>	<b>4,83</b>	<b>307,0</b>	<b>330,0</b>	<b>1.969.421,1</b>	<b>1.875.777,1</b>	<b>-93.644,1</b>	<b>4,75</b>

Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	Dự án										Thiết kế cơ sở				Thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng (gồm Báo cáo kinh tế - kỹ thuật)			
	Tổng số dự án thẩm định	Số dự án phải sửa đổi	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)				Số TKCS thẩm định	Số TKCS phải sửa đổi	Tổng số thiết kế XD đã thẩm định	Tổng số BCKT-KT đã thẩm định	Số phải sửa đổi	Trước thẩm định	Sau thẩm định	Tăng/ giảm (+/-)	Tỷ lệ %			
			Trình thẩm định	Sau thẩm định	Tăng/ giảm (+/-)	Tỷ lệ %												
Sở Xây dựng	17		1.506.007,8	1.506.007,8	0,0	0,00	13		48	0	877.908,6	835.838,1	-42.070,4	4,79				
Sở Giao thông vận tải	1		295.237,0	278.569,0	-16.668,0	5,65	0		4	0	683.879,0	680.868,0	-3.011,0	0,44				
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0						0		0	0								
Sở Công thương	0						21		92	92	352.935,4	340.947,0	-11.988,5	3,40				
UBND TP Phú Lý	0						0		0	0								
UBND huyện Kim Bảng	0						0		0	0								
UBND huyện Thanh Liêm	0						0		0	0								
UBND huyện Lý Nhân	0						0		0	0								
UBND huyện Bình Lục	0						0		0	0								
UBND huyện Duy Tiên	0						0		0	0								
<b>Tổng cộng, TB</b>	<b>17,0</b>	<b>-</b>	<b>1.801.244,8</b>	<b>1.784.576,8</b>	<b>-16.668,0</b>	<b>0,93</b>	<b>34,0</b>	<b>-</b>	<b>144,0</b>	<b>92,0</b>	<b>1.914.723,0</b>	<b>1.857.653,1</b>	<b>-57.069,9</b>	<b>2,98</b>				

Số quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	Dự án				Thiết kế cơ sở		Thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng (gồm Báo cáo kinh tế - kỹ thuật)					
	Tổng số dự án thẩm định	Số dự án phải sửa đổi	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)			Tổng số TKCS thẩm định	Số TKCS phải sửa đổi	Tổng số thiết kế XD đã thẩm định	Tổng số BCKT-KT đã thẩm định	Số phải sửa đổi	Giá trị dự toán xây dựng công trình (triệu đồng)	
			Trình thẩm định	Sau thẩm định	Tăng/ giảm (+/-)						Tỷ lệ %	Trước thẩm định
Sở Xây dựng	0					91		26	0		Không thẩm định dự toán	
Sở Giao thông vận tải	0					1		1	0		Không thẩm định dự toán	
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0					0		0	0			
Sở Công thương	0					0		49	0		Không thẩm định dự toán	
UBND TP Phú Lý	0					0		0	0			
UBND huyện Kim Bảng	0					0		0	0			
UBND huyện Thanh Liêm	0					0		0	0			
UBND huyện Lý Nhân	0					0		0	0			
UBND huyện Bình Lục	0					0		0	0			
UBND huyện Duy Tiên	0					0		0	0			